



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 201. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn;

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2015

Hà Nội, tháng năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/15	01/01/15
I	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.981.600.701.862	1.252.069.588.300
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		72.336.968.878	21.375.385.987
1. Tiền	111		72.336.968.878	21.375.385.987
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.056.866.067.736	808.792.459.467
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		671.590.928.296	527.469.896.357
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		306.575.951.005	187.979.304.378
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		22.738.567.700	20.638.567.700
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		77.011.839.873	92.157.425.095
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(21.051.219.138)	(19.452.734.063)
8. Tài khoản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		812.656.469.152	411.921.974.018
1. Hàng tồn kho	141		812.656.469.152	411.921.974.018
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.741.196.096	9.979.768.828
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.619.057.084	932.225.592
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		37.378.448.873	7.775.312.758
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		743.690.139	1.272.230.478
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		865.124.053.355	618.848.033.387
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		283.281.338.961	190.264.482.802
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/15	01/01/15
1	2	3	4	5
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		30.511.255.640	30.511.255.640
6. Phải thu dài hạn khác	216		252.770.083.321	159.753.227.162
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		41.607.468.021	38.600.931.258
1. Tài sản cố định hữu hình	221		41.508.808.523	38.590.015.935
- Nguyên giá	222		57.660.077.011	52.223.447.853
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16.151.268.488)	(13.633.431.918)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		98.659.498	10.915.323
- Nguyên giá	228		170.500.000	61.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(71.840.502)	(50.584.677)
III. Bất động sản đầu tư	230		61.778.881.359	51.499.104.609
- Nguyên giá	231		67.609.490.750	56.380.633.994
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(5.830.609.391)	(4.881.529.385)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		77.351.772.366	44.628.809.481
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		35.288.993.183	39.063.933.137
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		42.062.779.183	5.564.876.344
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		395.038.900.292	289.091.834.250
1. Đầu tư vào công ty con	251		256.454.000.000	253.954.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		94.901.153.927	94.901.153.927
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		109.257.150.000	2.557.150.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(65.573.403.635)	(62.320.469.677)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.065.692.356	4.762.870.987
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.065.692.356	4.762.870.987
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		2.846.724.755.217	1.870.917.621.687

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/15	01/01/15
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.509.586.021.621	1.531.576.472.352
I. Nợ ngắn hạn	310		1.867.115.742.923	1.305.923.781.483
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		565.258.372.149	479.692.146.253
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		232.063.030.834	146.826.368.796
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		3.089.192.386	5.400.660.393
4. Phải trả người lao động	314		13.794.003.338	7.574.985.391
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		42.925.546.059	8.331.959.282
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		69.584.416	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		130.627.999.701	44.615.315.149
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		876.378.820.928	612.926.337.145
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.909.193.112	556.009.074
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		642.470.278.698	225.652.690.869
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		53.613.970.463	
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	54.532.400.615
7. Phải trả dài hạn khác	337		36.363.637	
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		588.819.944.598	171.120.290.254
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/15	01/01/15
1	2	3	4	5
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		337.138.733.596	339.341.149.335
I. Vốn chủ sở hữu	410		337.138.733.596	339.341.149.335
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.982.400.000	199.982.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		62.734.116.794	62.734.116.794
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(30.845.085)	(30.845.085)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		37.157.698.458	37.157.698.458
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.295.363.429	39.497.779.168
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		35.266.425.168	(49.411.110.486)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.028.938.261	88.908.889.654
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		2.846.724.755.217	1.870.917.621.687

Hà Đông, ngày 30 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Lê Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Mai Văn Định

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)




TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Trung Chánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

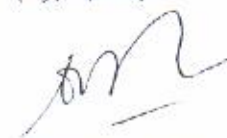
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.042.437.092.468	557.445.823.922
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		86.223.000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		1.042.350.869.468	557.445.823.922
4. Giá vốn hàng bán	11		970.270.529.005	498.483.353.372
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		72.080.340.463	58.962.470.550
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.537.212.120	7.251.910.904
7. Chi phí tài chính	22		45.769.632.518	32.110.413.253
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.520.843.737	28.609.765.025
8. Chi phí bán hàng	25		5.415.419.112	2.820.833.528
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		27.118.905.081	28.452.195.442
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(686.404.128)	2.830.939.231
11. Thu nhập khác	31		10.444.184.555	103.171.596.790
12. Chi phí khác	32		2.581.336.567	49.434.711.098
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		7.862.847.988	53.736.885.692
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.176.443.860	56.567.824.923
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.147.505.599	946.499.665
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		2.028.938.261	55.621.325.258
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		101,0	2.782,0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Hà Đông, ngày 30 tháng 9 năm 2015

 Người lập biểu
 (Ký, họ tên)



Lê Thị Ngọc Diệp

 Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

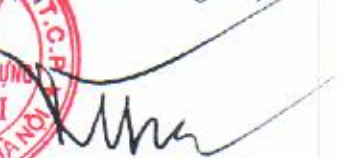


Mai Văn Định



Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



 TỔNG GIÁM ĐỐC
 Lê Trung Chánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.176.443.860	56.567.824.923
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.822.717.760	8.180.811.207
- Các khoản dự phòng	03		4.851.419.033	(34.235.050.085)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.231.216	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.357.287.086)	(27.996.963.828)
- Chi phí lãi vay	06		41.520.843.737	28.609.765.025
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		53.016.368.520	31.126.387.242
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(369.711.291.890)	(90.169.506.181)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(395.931.124.145)	(50.554.379.398)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		288.343.173.597	279.839.402.164
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.352.460.401)	(8.993.395.763)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13			(30.027.954.295)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(44.112.524.974)	(3.047.925.149)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.185.570.105)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.841.408.000)	(1.411.907.023)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(478.774.837.398)	126.760.721.597
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(41.349.488.591)	(1.011.722.524)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		147.272.727	437.596.658
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.900.000.000)	(53.301.650.686)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.800.000.000	1.435.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(109.200.000.000)	(188.815.783.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			150.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.086.355.234	2.938.824.041
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(151.415.860.630)	(238.167.735.511)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.319.212.202.386	615.338.475.969
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(638.060.064.259)	(506.413.572.609)
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		681.152.138.127	108.924.903.360
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		50.961.440.099	(2.482.110.554)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.375.385.987	55.274.534.235
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		142.792	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		72.336.968.878	52.792.423.681

Hà Đông, ngày 30 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Lê Thị Ngọc Diệp
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Mai Văn Định
Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Trung Chánh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai sau đây (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Nhà máy Bê tông Xuân Mai, được thành lập theo Quyết định số 1434 BXD/TCCB ngày 29 tháng 11 năm 1983 của Bộ Xây dựng. Nhà máy Bê tông Xuân Mai đổi tên thành Nhà máy Bê tông và Xây dựng Xuân Mai và chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam theo Quyết định số 1049 BXD/TCLĐ ngày 06 tháng 12 năm 1996 của Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 1434/QĐ-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Nhà máy Bê tông và Xây dựng Xuân Mai chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000122 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) cấp ngày 04 tháng 12 năm 2003.

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường số 22/2013/NQ-XMC-BTL ngày 08 tháng 8 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ 10.200.000 cổ phần do Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) đang sở hữu cho Công ty TNHH Khải Hưng và ngày 21 tháng 4 năm 2014 đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai.

Công ty có 17 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cụ thể:

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần một ngày 07/05/2004;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần hai ngày 11/03/2005;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 30/06/2006;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần bốn ngày 20/12/2006;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần năm ngày 19/04/2007;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần sáu ngày 08/10/2007;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần bảy ngày 29/12/2008;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần tám ngày 13/07/2009;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần chín ngày 25/07/2011;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười ngày 01/09/2011;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười một ngày 05/04/2013;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười hai ngày 13/05/2013;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười ba ngày 30/09/2013;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười bốn ngày 13/03/2014;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười lăm ngày 21/04/2014.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười sáu ngày 02/07/2014.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười bảy ngày 15/08/2014.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần mười tám ngày 20/05/2015.

Theo Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 389/QĐ-TTGDHN của Giám đốc Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty chính thức được đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 20/12/2007 với mã chứng khoán là XMC.

Theo Quyết định số 538/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc huỷ niêm yết cổ phiếu, Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai chính thức huỷ niêm yết kể từ ngày 12/11/2013. Lý do huỷ niêm yết: Huỷ niêm yết theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2013 số 27/2013/NQ/BTXM-ĐHĐCĐBT ngày 11/10/2013.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; Thi công xây dựng cầu, đường, công trình thủy lợi; Xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp; Kinh doanh phát triển nhà, trang trí nội, ngoại thất;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; lập dự án, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát, quản lý dự án;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công, chế tạo, hoán cải phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ thương mại;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Thiết kế, gia công chế tạo thiết bị nâng (Không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng nhà nước cấm);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Khai thác đá (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Kinh doanh dược - quầy thuốc;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Kinh doanh xăng dầu;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị: Chế tạo lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ, thiết bị tự động hoá trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Tư vấn đầu tư, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ: Kinh doanh vận chuyển hàng hoá, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông, các loại ống cấp và thoát nước;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chuyển giao công nghệ mới, thiết bị tự động hoá trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động của các phòng khám da khoa, chuyên khoa và nha khoa: Khám chữa bệnh - phòng khám đa khoa;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp, cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng, cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao: Kinh doanh bể bơi, sân tennis;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, cho thuê các thiết bị thư giãn;



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản (không bao gồm môi giới, định giá, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Sản xuất vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông, các loại ống cấp thoát nước;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ thí nghiệm vật liệu xây dựng.
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ loại cặn).
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng: Bắt đầu từ 01/01 kết thúc 31/12 hàng năm.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

6.1. Các công ty con của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai

6.1.1 Công ty CP Xuân Mai Đạo Tú

Địa chỉ: xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

Tel: (84-211) 3 895 576 Fax: (84-211) 3 895 574

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ:

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 4, số 2500302820 ngày 18/6/2013, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng, số vốn góp của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai là: 26.000.000.000 đồng chiếm 65,00%, các cổ đông khác là 14.000.000.000 đồng.

6.1.2 Công ty CP tư vấn thiết kế Xuân Mai

Địa chỉ: Tầng 6, toà nhà 29T2 lô N05- KĐT Đông Nam Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (84-4) 62 511 026 Fax: (84-4) 62 510 632

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ:

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102776909 ngày 11/6/2008 thay đổi lần 10 ngày 30/05/2014, tính đến thời điểm 31/12/2014 vốn điều lệ của Công ty là 23.815.600.000 đồng, số vốn góp của Công ty CP đầu tư và xây dựng Xuân Mai là: 20.610.000.000 đồng chiếm 86,54%, các cổ đông khác là 3.205.600.000 đồng.

6.1.3 Công ty CP xây lắp Xuân Mai

Địa chỉ: Tầng 4, toà nhà CT2 Ngô Thị Nhậm, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, TP Hà Nội

Tel: (84-042) 3 220 339 Fax: (84-042) 3 220 341

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ:

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104361561 thay đổi lần 1 ngày 08/01/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 09/05/2014 đổi tên "Công ty CP xây lắp Vinaconex Xuân Mai" thành "Công ty Cổ phần xây lắp Xuân Mai" tính đến thời điểm 31/12/2014 vốn điều lệ của Công ty là 21.500.000.000 đồng, Công ty CP đầu tư và xây dựng Xuân Mai góp 17.960.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 83,53%, các cổ đông khác 3.540.000.000 đồng.

6.1.4 Công ty CP cơ giới vận tải Xuân Mai

Địa chỉ: Thuý Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội

Tel: (84-043) 3 720 932 Fax: (84-043) 3 725 504



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thì Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ:

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104367524 thay đổi lần 3 ngày 20/07/2014, vốn điều lệ của Công ty là 9.000.000.000 đồng. Vốn góp của Công ty CP đầu tư và xây dựng Xuân Mai là: 7.000.000.000 đồng và chiếm 77,78%. Các cổ đông khác là 2.000.000.000 đồng.

6.1.5 Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai

Địa chỉ: P102 tầng kỹ thuật - Toà CT2 Ngô Thì Nhậm - Phường Hà Cầu - Quận Hà Đông - TP Hà Nội.

Tel: (84-043) 3 820 555 Fax: (84-043) 3 820 555

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ:

- Công ty thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106379356 do sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 02/12/2013. Theo đăng ký kinh doanh vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng, trong đó Công ty CP đầu tư và xây dựng Xuân Mai chiếm tỷ lệ 80%.

6.1.6 Công ty TNHH một thành viên bê tông Xuân Mai

Địa chỉ: Thôn Xuân Trung, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Tel: (84-043) 3 840 388 Fax: (84-043) 3 840 117

- Công ty thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106579919 do đăng ký kinh doanh số 03 TP Hà Nội cấp ngày 23/06/2014. Theo đăng ký kinh doanh vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng.

6.2 Các công ty liên doanh liên kết của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai

6.2.1 Công ty CP bê tông Xuân Mai Miền Nam

Địa chỉ: Ấp Rạch Bắp, xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (84-0650) 391 2891 Fax: (84-0650) 357 8430

Số vốn góp của Công ty CP đầu tư và xây dựng Xuân Mai là: 40.430.398.927 đồng, chiếm tỷ lệ 49%

6.2.2 Công ty cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng

Địa chỉ: Xã Hoà Nhơn, Huyện Hoà Vang, TP Đà Nẵng

Điện thoại: (84-0511) 367 6226 Fax: (0511) 365 3872

Số vốn góp của Công ty CP đầu tư và xây dựng Xuân Mai là: 24.500.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49%

6.2.3. Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An

Địa chỉ: 77/2, KP3, đường Đồng Khởi, phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (84-061) 882 3388 Fax: (84-061) 882 3366

- Công ty thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3601019949 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai. Theo đăng ký kinh doanh vốn điều lệ của Công ty là 93.375.755.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2014 số vốn góp của Công ty CP đầu tư và xây dựng Xuân Mai là: 29.970.755.000 đồng, chiếm tỷ lệ 32,1%.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán BRAVO 7. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền và các khoản tương đương tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Trường hợp sử dụng tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm khoá sổ lập báo cáo tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh.

Phản ánh tình hình mua, bán và thanh toán các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật nắm giữ vì mục đích kinh doanh bao gồm: cổ phiếu, các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

Phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

c) Các khoản cho vay;

d) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng là khoản phải thu về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, cung cấp dịch vụ.

Khoản phải thu của khách hàng được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán.

Khoản phải thu khác là các khoản nợ doanh nghiệp phải thu ngoài phạm vi khoản phải thu của khách hàng chủ yếu gồm: Giá trị tài sản thiếu đã được phát hiện nhưng chưa xác định được nguyên nhân, phải chờ xử lý; Các khoản phải thu về bồi thường vật chất do cá nhân, tập thể (trong và ngoài doanh nghiệp) gây ra như mất mát, hư hỏng vật tư, hàng hóa, tiền vốn,... đã được xử lý bất bồi thường; Tiền lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận phải thu từ các hoạt động đầu tư tài chính; và các khoản phải thu khác.

Dự phòng phải thu khó đòi: Là khoản dự phòng phần giá trị các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp xác định các khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự có khả năng không đòi được để trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Doanh nghiệp trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn;

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thực hiện theo quy định hiện hành; Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền; Phương pháp đích danh

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao <năm ></u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25-50
- Máy móc, thiết bị	6-15
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6-10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-10

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị Công ty đã chi ra để có chương trình phần mềm phục vụ trong SXKD. Công ty thực hiện việc quản lý và trích khấu hao theo đúng quy định.

Riêng quyền sử dụng đất tại Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Hà Nội không xác định thời gian sử dụng không trích khấu hao và chưa được ghi nhận trên sổ kế toán khi cổ phần hoá doanh nghiệp.

5.3 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

6. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Khoản vốn góp của Công ty vào hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là khoản đầu tư dài hạn.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận.

BCC chia lợi nhuận trước thuế thường là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát hoặc do một bên kiểm soát. Trường hợp BCC chia lợi nhuận trước thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế. Lợi nhuận được phân chia và bên nào nộp thuế cho bên đó.

Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận ghi là nợ phải trả, không ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế suất (%) được sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại Công ty áp dụng theo quy định của Nhà nước.

Việc bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả chỉ thực hiện khi lập Bảng cân đối kế toán, không thực hiện khi ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên sổ kế toán.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải xác định chi phí thuế thu nhập hoãn lại theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Thuế thu nhập doanh nghiệp".

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Các chi phí thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và được kết chuyển dần vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau, bao gồm các loại chi phí: Công cụ, dụng cụ, đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán, Chi phí sửa chữa TSCD phát sinh một lần có giá trị lớn doanh

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán phải căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch NK ủy thác);

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ như các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCD...

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay vốn. Doanh nghiệp hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

Doanh nghiệp thực hiện theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy theo đúng điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ nhà cung cấp trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi. Chi phí này phải được ước tính để ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy và trên nguyên tắc đảm bảo số chi phí hạch toán phù hợp với chi phí thực tế phát sinh.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả ghi nhận thỏa mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện.

Phản ánh số liệu hiện có và tình hình tăng, giảm doanh thu chưa thực hiện của Doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ.

Công ty không thực hiện hạch toán vào khoản này các khoản: Tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được mua lại do chính Công ty phát hành không nhằm mục đích để bán và được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Khoản cổ phiếu mà công ty con mua lại của Công ty mẹ được trình bày là khoản Cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của quý này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn trước hoạt động, chưa hoàn thành đầu tư.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu của Công ty chủ yếu bao gồm: doanh thu kinh doanh các mặt hàng bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông, xây dựng, lắp dựng cấu kiện bê tông cho các công trình xây dựng, doanh thu kinh doanh bất động sản, doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, khi đồng thời mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo giá trị nghiệm thu khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng biên bản nghiệm thu, quyết toán, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu được ghi nhận thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.
- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.
- Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

† Nếu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn của hoạt động xây dựng được xác định dựa trên lượng chi phí sản xuất kinh doanh tồn đầu kỳ cộng các chi phí thực tế phát sinh tăng trong kỳ và trừ đi phần chi phí dở dang cuối kỳ (phần chi phí này được xác định dựa trên phần giá trị sản lượng còn dở dang).

Đối với giá vốn bất động sản đầu tư khi chưa tập hợp được đầy đủ hồ sơ, chứng từ về các khoản chi phí liên quan trực tiếp tới việc đầu tư, xây dựng BĐS nhưng đã phát sinh doanh thu nhượng bán BĐS thì công ty trích trước một phần chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán với phần BĐS được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn chi nhận doanh thu cho khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư.

Khoản ghi giảm giá vốn là các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại, khoản chênh lệch dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá đã thực hiện...

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Công ty thực hiện ghi nhận đầy đủ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

Khoản giảm chi phí bán hàng là khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả về sửa chữa, bảo hành sản phẩm hàng hóa cần lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa đã lập ở kỳ kế toán trước nhưng chưa sử dụng hết.

Khoản giảm chi phí quản lý doanh nghiệp là khoản chênh lệch dự phòng trích lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ kỳ trước.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngõ 747 Nguyễn Huệ - phường Hòa Cường 4 - quận Hải Phòng - Hà Nội.
 Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xurtec.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

	Đơn vị tính: Vnd	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
I. Tiền		
- Tiền mặt	16.468.933.316	2.900.600.810
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.868.035.562	18.474.785.177
- Tiền đang chuyển		
	72.336.968.878	21.375.385.987
2. Các khoản đầu tư tài chính		
	Cộng	
	Giá gốc	Giá gốc
	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
	Dự phòng	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh		
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
b1) Ngân hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn	53.249.823.340	51.149.823.340
- Trái phiếu	22.738.567.700	20.638.567.700
- Các khoản đầu tư khác	22.738.567.700	20.638.567.700
Công ty cổ phần bê tông Xuân Mai Miền Nam	17.058.567.700	17.058.567.700
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Megastar	3.300.000.000	3.300.000.000
Công ty CP Xuân Mai - Đà Nẵng	500.000.000	500.000.000
Công ty CP Đầu tư XD nhà ở Sơn An	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 207	1.000.000.000	1.000.000.000
Phùng Ngọc Lam - BDH Maritime vay khế ước	160.000.000	160.000.000
Lê Đình Hồ - BDH San Hô vay khế ước	120.000.000	120.000.000
Chu Văn Thúc - BDH Ecogreen vay khế ước	300.000.000	300.000.000
b2) Dài hạn	30.511.255.640	30.511.255.640
- Tiền gửi có kỳ hạn		
- Trái phiếu		
- Các khoản đầu tư khác	30.511.255.640	30.511.255.640
Công ty CP sản xuất bao bì và hàng xuất khẩu	30.511.255.640	30.511.255.640
	500.000.000	500.000.000
	4.940.997.390	4.940.997.390
	(8.240.997.390)	(8.240.997.390)
	44.320.539.490	44.320.539.490
	13.809.283.850	13.809.283.850
	(6.829.283.850)	(6.829.283.850)
	13.809.283.850	13.809.283.850
	(3.529.283.850)	(3.529.283.850)
	3.300.000.000	3.300.000.000
	-	(3.300.000.000)
	160.000.000	160.000.000
	120.000.000	120.000.000
	30.511.255.640	30.511.255.640
	-	-
	30.511.255.640	30.511.255.640
	30.511.255.640	30.511.255.640

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà C72 - đường Ngô Thị Nhâm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022 Fax: 04 63 251 012 Web: xmaicorp.vn

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối kỳ				Đầu kỳ					
	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con										
Công ty TNHH MTV Bé tông Xuân Mai	100,00%	100,00%	100.000.000.000		100.000.000.000	100,00%	100,00%	100.000.000.000		100.000.000.000
Công ty cổ phần Xuân Mai Dạc Tú	65,00%	65,00%	27.940.000.000		27.940.000.000	65,00%	65,00%	27.940.000.000		27.940.000.000
Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai	80,00%	80,00%	80.000.000.000		80.000.000.000	80,00%	80,00%	80.000.000.000		80.000.000.000
Công ty CP đầu tư và KD BBS Xuân Mai			1.000.000.000		1.000.000.000					
Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai	83,53%	83,53%	17.960.000.000		17.960.000.000	83,53%	83,53%	17.960.000.000		17.960.000.000
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Xuân Mai	85,54%	86,54%	22.554.000.000		22.554.000.000	80,24%	80,24%	21.054.000.000		21.054.000.000
Công ty cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai	77,78%	77,78%	7.000.000.000		7.000.000.000	77,78%	77,78%	7.000.000.000		7.000.000.000
			256.454.000.000		256.454.000.000			253.954.000.000		253.954.000.000

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Cuối kỳ				Đầu kỳ					
	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP bê tông Xuân Mai Miền Nam	49,00%	49,00%	40.430.398.927	(40.430.398.927)		49,00%	49,00%	40.430.398.927	(40.430.398.927)	
Công ty cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	49,00%	49,00%	24.500.000.000	(23.308.004.708)	1.191.995.292	49,00%	49,00%	24.500.000.000	(20.055.070.750)	4.444.929.250
Công ty CP đầu tư phát triển đô thị Sơn An	32,10%	32,10%	29.970.755.000		29.970.755.000	32,10%	32,10%	29.970.755.000		29.970.755.000
			94.901.153.927	(63.738.403.635)	31.162.750.292			94.901.153.927	(60.485.469.677)	34.415.684.250

- Đầu tư vào đơn vị khác

	Cuối kỳ				Đầu kỳ			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Công ty cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	1.835.000.000	(1.835.000.000)			1.835.000.000	(1.835.000.000)		
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển điện miền Bắc 2	722.150.000		722.150.000		722.150.000		722.150.000	
Công ty CP Điện Việt Lào	106.700.000.000		106.700.000.000					
	109.257.150.000	(1.835.000.000)	107.422.150.000		2.557.150.000	(1.835.000.000)	722.150.000	722.150.000

- Đầu tư khác

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**Tầng 3 - Tòa nhà CT12 - đường Ngô Trí Nhiên - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmac.com.vn.**3. Phải thu của khách hàng**a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn
*- Phải thu của khách hàng chiếm 10% trở lên trên tổng phải thu của khách hàng.*Ban điều hành dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2
Công ty cổ phần phát triển thương mại Vinacemex*- Phải thu của khách hàng khác**- Phải thu của khách hàng là các bên liên quan*

+ Công ty con

Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai

Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Từ

Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai

Công ty CP đầu tư và kinh doanh BĐS Xuân Mai

Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai

Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Xuân Mai

Công ty cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai

+ Công ty liên kết

Công ty cổ phần bê tông Xuân Mai Miền Nam

Công ty cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng

Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An

b) Phải thu của khách hàng dài hạn

*- Phải thu của khách hàng chiếm 10% trở lên trên tổng phải thu của khách hàng.**- Phải thu của khách hàng khác**- Phải thu của khách hàng là các bên liên quan*

a) Ngân hàng

- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;

- Phải thu người lao động: (Nợ tạm ứng cá nhân)

- Ký cược, ký quỹ;

- Phải thu khác.

*Dự án khu đất Tân Phú, Quận 9, TP HCM (Nguyễn Công Dân)**Dự án Biệt thự nhà vườn khu đất Nhà Bè (Trần Hoa Mai)*

Cuối kỳ		Đầu kỳ	
Giá trị	%	Giá trị	%

671.590.928.296

491.148.560.258

180.442.368.038

151.375.222.210

45.661.065

42.580.889.394

110.815.850

85.201.680.630

21.081.030.346

2.355.144.925

29.067.145.828

7.696.617.686

21.370.528.142

2.096.361.069

28.389.693.868

7.336.255.443

21.053.438.425

2.096.361.069

28.389.693.868

7.336.255.443

21.053.438.425

2.096.361.069

28.389.693.868

7.336.255.443

21.053.438.425

2.096.361.069

28.389.693.868

7.336.255.443

21.053.438.425

2.096.361.069

28.389.693.868

7.336.255.443

21.053.438.425

2.096.361.069

28.389.693.868

7.336.255.443

21.053.438.425

2.096.361.069

28.389.693.868

7.336.255.443

Cuối kỳ		Đầu kỳ	
Giá trị	%	Giá trị	%

527.469.896.357

122.309.118.348

64.776.275.022

57.532.843.326

237.961.797.233

167.198.980.776

138.809.286.908

105.702.086.591

31.010.839.248

2.096.361.069

28.389.693.868

7.336.255.443

21.053.438.425

2.096.361.069

28.389.693.868

7.336.255.443

21.053.438.425

2.096.361.069

28.389.693.868

7.336.255.443

21.053.438.425

2.096.361.069

28.389.693.868

7.336.255.443

21.053.438.425

2.096.361.069

28.389.693.868

7.336.255.443

21.053.438.425

2.096.361.069

28.389.693.868

7.336.255.443

21.053.438.425

2.096.361.069

28.389.693.868

7.336.255.443

21.053.438.425

2.096.361.069

28.389.693.868

7.336.255.443

21.053.438.425

2.096.361.069

28.389.693.868

7.336.255.443

21.053.438.425

Cuối kỳ		Đầu kỳ	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng

92.157.425.095

(1.235.035.269)

11.661.726.610

67.926.666

80.427.771.819

41.256.500.000

17.500.000.000

92.157.425.095

(1.235.035.269)

11.661.726.610

67.926.666

80.427.771.819

41.256.500.000

17.500.000.000

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thi Nhâm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022 Fax: 04 63 251 012. Web: xmao.com.vn.

<i>Dự án khu đất xã Yên Lạc B, Bình Chiếm (Trần Văn Bắc)</i>	18.125.408.000	18.125.408.000
<i>Cty TNHH MTV cơ khí và XD Megatar</i>	985.246.528	(985.246.528)
<i>Công ty CP SX bao bì và Hàng Xuất khẩu</i>	4.155.197.150	
<i>Phái thu khác</i>	756.005.071	(249.788.741)

b) Dài hạn	252.770.083.321	
- Ký cược, ký quỹ;	52.600.000.000	
- Phái thu khác.	200.170.083.321	
<i>Công ty TNHH Thương mại Nam Hoàn Vũ Phong Phú</i>	37.750.000.000	
<i>Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Hai Thành</i>	7.003.963.007	
<i>Cty CP Sông Đà 1.01 Góp vốn đầu tư XD dự án nhà ở Hemisco</i>	8.991.930.232	
<i>CTy TNHH Thương mại - Tư vấn và xây dựng Việt Hưng</i>	6.000.000.000	
<i>TCT phát thanh truyền hình thông tin EMICO</i>	139.611.975.678	
<i>Ban điều hành dự án Nút Giao Long Biên</i>	812.214.404	
	329.781.923.194	

5. Tài sản thiếu chờ xử lý**6. Nợ xấu****7. Hàng tồn kho:**

- Hàng đang đi trên đường;
- Nguyên liệu, vật liệu;
- Công cụ, dụng cụ;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;

8. Tài sản dở dang dài hạn

- a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn
- Nhà 11T2 Chung cư Xuân Mai
- Nhà 19T2 Chung cư Vĩnh Phúc
- CP chung Khu Vĩnh Phúc
- CP chung Khu Xuân Mai

Đầu kỳ	
Giá gốc	Dự phòng
21.918.095	
24.482.091	
411.875.575.832	
411.921.974.018	
Đầu kỳ	
Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi
39.063.933.137	39.063.933.137
10.120.155.941	10.120.155.941
8.244.843.846	8.244.843.846
7.383.052.288	7.383.052.288
9.416.267.312	9.416.267.312

Cuối kỳ	
Giá gốc	Dự phòng
21.918.095	
52.881.205	
812.581.669.852	
812.656.469.152	
Cuối kỳ	
Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi
35.288.993.183	35.288.993.183
10.120.155.941	10.120.155.941
8.244.843.846	8.244.843.846
7.495.983.538	7.495.983.538
9.428.009.858	9.428.009.858



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmaicorp.vn.

ĐA số 677A đường Lê Văn Việt
Khu biệt thự nhà vườn TP HCM
Dự án CC cao tầng Q9 TP HCM

1.043.553.113
987.990.277
1.868.070.360

Đầu kỳ

Cuối kỳ

5.564.876.344

5.564.876.344
5.564.876.344

b) Xây dựng cơ bản dở dang

- Mua sắm;
- Xây dựng cơ bản;

Đầu tư trạm trộn số 2 tại XMB

Đầu tư dây chuyền sản xuất tấm tường bê tông Acotec

42.062.779.183

42.062.779.183
883.180.098

41.179.599.085

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	31.410.261.724	12.068.918.082	5.002.866.966	3.741.401.081		52.223.447.853
- Mua trong năm			3.138.838.182	157.272.727	773.440.000	4.069.550.909
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.034.159.454	3.206.577.815				5.240.737.269
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán	(230.311.547)	(2.175.999.091)	(1.153.276.531)			(3.229.275.622)
- Giảm khác	33.214.109.631	(314.071.851)				(544.383.398)
Số dư cuối năm	4.118.218.626	12.785.424.955	6.988.428.617	3.898.673.808	773.440.000	57.660.077.011
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.118.218.626	3.502.785.918	4.037.016.160	1.975.411.214		13.633.431.918
- Khấu hao trong năm	1.021.854.711	2.076.029.419	328.932.068	536.758.015	62.495.436	4.026.069.649
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(9.212.472)					(9.212.472)
- Thanh lý, nhượng bán		(692.399.833)	(806.620.774)			(1.499.020.607)
- Giảm khác	5.130.860.865	4.886.415.504	3.559.327.454	2.512.169.229	62.495.436	16.151.268.488
Số dư cuối năm	27.292.043.098	8.566.132.164	965.850.806	1.765.989.867		38.596.015.935
III. Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	28.083.248.766	7.899.009.451	3.429.101.163	1.386.504.579	710.944.564	41.508.808.523
- Tại ngày cuối năm						

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

Tầng 3 tòa nhà CT2 Ngô Thị Nhậm - Hà Đông: 1.568 m2

Nội thất tầng 3 tòa nhà CT2 Ngô Thị Nhậm - Hà Đông

Hà tầng Trung tâm thương mại

31.526.868.825

17.518.241.749

1.196.249.988

5.373.539.997

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhâm - phường Hía Cầu - quận Hía Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022 Fax: 04 63 251 012. Web: xmc.com.vn

Sân Tennis khu TT Thương Mại
Trạm trộn 75m3/h phân xây dựng
Trạm trộn 75m3/h phân thiết bị
Bể bơi CT2 Hành chính

526.841.231
2.013.591.840
3.125.522.653
1.772.881.367

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;
 - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao chờ thanh lý;
 - Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:
- Đầu tư 02 trạm trộn bê tông tại XMB*
Đầu tư công nghệ tấm tương bê tông rỗng tiền chế Acotec
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

2.827.902.265
190.238.000
52.630.783.400
52.630.783.400

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm				61.500.000		61.500.000
- Mua trong năm:				109.000.000		109.000.000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						
- Tặng do hợp nhất kinh doanh						
- Tặng khác						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm				170.500.000		170.500.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm				50.584.677		50.584.677
- Khấu hao trong năm				21.255.825		21.255.825
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm				71.840.502		71.840.502
III. Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm				10.915.323		10.915.323
- Tại ngày cuối năm				98.659.498		98.659.498



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thi Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmc.com.vn.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng;
- Thuyết minh số liệu và giải thích khác.

30.000.000

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuế tài chính:

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	56.380.633.994	67.609.490.750	56.380.633.994	67.609.490.750
- Quyền sử dụng đất	56.380.633.994	65.775.475.543	56.380.633.994	65.775.475.543
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất		1.834.015.207		1.834.015.207
- Cơ sở hạ tầng	4.881.529.385	5.830.609.392	4.881.529.386	5.830.609.391
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất	4.881.529.385	5.769.475.552	4.881.529.386	5.769.475.551
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất		61.133.840		61.133.840
- Cơ sở hạ tầng	51.499.104.609	61.778.881.358	51.499.104.608	61.778.881.359
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất	51.499.104.609	60.005.999.991	51.499.104.608	60.005.999.992
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất		1.772.881.367		1.772.881.367
- Cơ sở hạ tầng				
b) Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá		76.358.486.951	76.358.486.951	
- Quyền sử dụng đất		230.311.547	230.311.547	
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất		76.128.175.404	76.128.175.404	
- Cơ sở hạ tầng				
Tồn thất do suy giảm giá trị				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất		76.358.486.951	76.358.486.951	
- Cơ sở hạ tầng		230.311.547	230.311.547	
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất		76.128.175.404	76.128.175.404	
- Cơ sở hạ tầng				

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - Cường Ngô Thị Nhâm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmicc.com.vn.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá;
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác.

13. Chi phí trả trước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn	1.619.057.084	932.225.592
- Chi phí trả trước về thuế hoạt động TSCĐ;	137.726.997	49.077.627
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	1.410.540.425	773.347.965
- Thuế TNDN		
- Chi phí đi vay;	70.789.662	109.800.000
- Các khoản khác (nếu chi tiết nêu có giá trị lớn)		
b) Dài hạn	6.065.692.356	4.762.870.987
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí mua bảo hiểm;	262.038.636	223.770.248
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	5.803.653.720	4.539.100.739
- Các khoản khác	113.082.490	197.894.365
Phí bảo trì tòa nhà CT2 Ngô Thị Nhâm	48.132.141	2.938.631.338
Phí môi giới nhà CT2 Hành Chính	623.248.951	1.192.623.564
Chi phí Showroom nhà CT2 Hành Chính	429.204.474	
Phí môi giới nhà 1971 Vĩnh Yên	3.295.183.756	
Phí môi giới nhà A-B-C Dương Nội	961.145.649	
Phí môi giới Dự án Bưu Long	150.000.000	
Phí tư vấn phương án tiếp thị và phân phối: căn hộ thuộc tòa CT1 VOY	183.656.259	209.951.472
Chi phí khác		

14. Tài sản khác

- a) Ngắn hạn
- b) Dài hạn

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thì Nhậm - Phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xnmcc.com.vn.

15. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	876.378.820.928	876.378.820.928	874.004.811.716	610.552.327.933	612.926.337.145	612.926.337.145
- Vay ngắn hạn NH Liên Việt - CN Hà Nội - PGD Hà Đông	377.884.920.100	377.884.920.100	383.170.920.100	293.266.532.485	287.980.532.485	287.980.532.485
- Vay ngắn hạn NH Công thương Việt Nam - CN Láng Hòa Lạc	3.215.857.495	3.215.857.495	14.607.934.156	56.323.460.762	44.931.384.101	44.931.384.101
- Vay ngắn hạn NH Đầu tư và Phát triển Hà Tây	297.630.190.686	297.630.190.686	315.904.409.115	77.472.409.066	59.148.190.637	59.148.190.637
- Nợ dài hạn đến hạn trả NH Liên Việt	172.281.702.119	172.281.702.119	130.917.909.187	152.138.385.029	193.502.177.961	193.502.177.961
- Nợ dài hạn đến hạn trả NH Đầu tư và PT Hà Tây	400.000.000	400.000.000	1.400.000.000	1.000.000.000	-	-
- Vay ngắn hạn các tổ chức	14.261.235.169	14.261.235.169	11.400.000.000	3.744.316.792	6.605.551.961	6.605.551.961
- Vay ngắn hạn khác	10.704.915.359	10.704.915.359	16.603.639.158	26.657.223.799	20.758.500.000	20.758.500.000
b) Vay dài hạn	588.819.944.598	588.819.944.598	576.125.299.857	158.425.645.513	171.120.290.254	171.120.290.254
- Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	408.617.741.422	408.617.741.422	474.281.463.713	135.525.645.513	69.861.923.222	69.861.923.222
+ Dự án CT2 Hành Chính	53.475.748.641	53.475.748.641	65.568.745.254	81.954.919.835	69.861.923.222	69.861.923.222
+ Dự án VOV	45.994.682.450	45.994.682.450	50.602.418.776	4.607.736.326	-	-
+ Dự án HH2 Dương Nội	309.147.310.331	309.147.310.331	358.110.299.683	48.962.989.352	-	-
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	101.843.836.144	101.843.836.144	101.843.836.144	-	-	-
+ Đầu tư có phiếu công ty CP Điện Việt Lào	74.690.000.000	74.690.000.000	74.690.000.000	-	-	-
+ Đầu tư công nghệ sản xuất bê tông rỗng tiền chế Acotec	24.967.692.144	24.967.692.144	24.967.692.144	-	-	-
+ Đầu tư 02 trạm trộn bê tông tại XMB	2.186.144.000	2.186.144.000	2.186.144.000	-	-	-
- Vay dài hạn các tổ chức	78.358.367.032	78.358.367.032	-	22.900.000.000	101.258.367.032	101.258.367.032
Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai	78.358.367.032	78.358.367.032	-	200.000.000	78.558.367.032	78.558.367.032
Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai	-	-	-	22.700.000.000	-	-
- Vay dài hạn đối tượng khác	1.465.198.765.526	1.465.198.765.526	1.450.130.111.573	768.977.973.446	784.046.627.399	784.046.627.399
Cộng (a)+(b)						
c) Các khoản nợ thuê tài chính						
d) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán						



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thì Nhậm - phường Liễu Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcc.com.vn.

d) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- <i>Vay ngắn hạn</i>						
Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Tú	14.261.235.169	14.261.235.169	9.400.000.000	1.744.316.792	6.605.551.961	6.605.551.961
Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai	7.750.000.000	7.750.000.000	8.100.000.000	350.000.000		
Công ty cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai	6.511.235.169	6.511.235.169	1.300.000.000	1.300.000.000	6.605.551.961	6.605.551.961
- <i>Vay dài hạn</i>						
Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai	78.358.367.032	78.358.367.032		22.900.000.000	101.258.367.032	101.258.367.032
Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai	78.358.367.032	78.358.367.032		200.000.000	78.558.367.032	78.558.367.032
				22.700.000.000	22.700.000.000	22.700.000.000
16. Phải trả người bán						
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	565.258.372.149	565.258.372.149			479.692.146.253	479.692.146.253
- <i>Phải trả người bán chiếm 10% trở lên trên tổng phải trả khách hàng</i>	71.600.000.000	71.600.000.000	12,67%			
Cty CP Tập Đoàn Nam Cường Hà Nội - CN Hà Tây	71.600.000.000	71.600.000.000				
- <i>Phải trả người bán khác</i>	208.321.165.823	208.321.165.823			131.125.926.996	131.125.926.996
- <i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	285.337.206.326	285.337.206.326			348.566.219.257	348.566.219.257
Công ty con	276.323.018.037	276.323.018.037			344.565.144.768	344.565.144.768
Công ty TNHH MTV Bé tổng Xuân Mai	49.976.073.923	49.976.073.923	8,84%		83.699.452.154	83.699.452.154
Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Tú	100.307.369.719	100.307.369.719	17,75%		121.699.696.723	121.699.696.723
Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai	216.888.983	216.888.983				
Công ty CP đầu tư và kinh doanh BDS Xuân Mai	654.314.982	654.314.982	0,12%			
Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai	92.004.323.843	92.004.323.843	16,28%		104.491.519.039	104.491.519.039
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Xuân Mai	18.455.034.646	18.455.034.646	3,26%		22.733.381.479	22.733.381.479
Công ty cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai	14.709.011.941	14.709.011.941	2,60%		11.941.095.373	11.941.095.373
Công ty liên kết	9.014.188.289	9.014.188.289			4.001.074.489	4.001.074.489
Công ty cổ phần bê tông Xuân Mai Miền Nam	9.014.188.289	9.014.188.289	1,59%		4.001.074.489	4.001.074.489
Công ty cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng						
Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An						
b) Phải trả khách hàng dài hạn						



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngõ 7/11 Nguyễn - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.

Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmao.com.vn.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
- Thuế GTGT phải nộp	5.301.149.658	7.701.596.290	9.913.553.562	3.089.192.386
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.264.501.585	6.322.421.842	7.185.570.105	1.401.353.322
- Thuế thu nhập cá nhân	103.891.104	875.389.144	927.902.964	51.377.284
- Thuế tài nguyên	2.146.746	16.972.636	17.126.842	1.992.540
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất				
<i>Thuế nhà đất,</i>				
<i>Tiền thuê đất</i>				
- Các loại thuế khác	26.186.267	3.000.000	29.186.267	
<i>Thuế môn bài</i>		3.000.000	3.000.000	
<i>Thuế nhà thầu nước ngoài</i>	26.186.267		26.186.267	
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.904.423.956	483.812.668	1.753.767.384	1.634.469.240
b) Phải thu				
- Thuế GTGT phải nộp	1.172.719.743	3.527.907.530	3.098.877.926	743.690.139
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	(99.510.735)	2.440.406.934	2.666.667.870	126.750.201
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.272.230.478	1.087.500.596	432.210.056	616.939.938
18. Chi phí phải trả				
a) Ngân hàng	42.925.546.059		8.331.959.282	
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép;				
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh;	37.347.887.561		5.440.284.266	
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa;	5.577.658.498		2.891.675.016	
- Các khoản trích trước lãi vay	53.613.970.463			
b) Dài hạn	53.613.970.463			
- Các khoản khác	53.613.970.463			
19. Phải trả khác	96.539.516.522		8.331.959.282	
a) Ngân hàng				
- Kinh phí công đoàn;	130.627.999.701		44.615.315.149	
- Bảo hiểm xã hội;	176.618.669		155.712.577	
- Bảo hiểm y tế;	193.703.929		193.816.408	
- Bảo hiểm thất nghiệp;	27.688.454		34.416.931	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngân hàng;	15.843.187		14.462.820	

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội.
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmao.com.vn.

- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	130.214.145.462	44.216.906.413
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	4.782.063.315	20.840.524.070
<i>Phí bảo trì các chung cư</i>	28.369.766.497	9.052.657.893
<i>Vay vớt các bộ công nhân viên</i>	97.062.315.450	14.323.724.450
<i>Khoản khác</i>		

b) Dài hạn	36.363.637	
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn;	36.363.637	

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
---	--	--

20. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
--	----------------	---------------

a) Ngắn hạn	69.584.416	54.532.400.615
<i>Cho thuê Bê tông tại chung cư CT2 Hành Chính</i>	45.584.416	
<i>Cho thuê tầng 1 nhà 1971 Việt Phúc</i>	24.000.000	

- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thông;		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.		

b) Dài hạn

- Doanh thu nhận trước;		
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thông:		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.		
<i>Tòa 1973 Khu CC Kiến Hưng</i>		54.532.400.615
<i>Tòa 1975 Khu CC Kiến Hưng</i>		4.295.031.965
<i>Tòa 1976 Khu CC Kiến Hưng</i>		2.140.252.823
<i>Tòa CT1 Ngõ Thị Nhậm</i>		4.163.501.283
		43.933.614.544

c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng

21. Trái phiếu phát hành
22. Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả
23. Dự phòng phải trả
24. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 3 - Tòa nhà CT2 - đường Ngô Thị Nhậm - phường Hà Cầu - quận Hà Đông - Hà Nội
Tel: 04 63 251 022. Fax: 04 63 251 012. Web: xmcsc.com.vn.

25. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Cổ phiếu quỹ	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	
Số dư đầu năm trước	199.982.400.000	62.734.116.794	37.157.698.458			(30.845.085)	(49.411.110.486)	250.432.259.681
- Tăng vốn trong năm trước								
- Lãi trong năm trước							88.908.889.654	88.908.889.654
- Tăng khác								
- Giảm vốn trong năm trước								
- Lỗ trong năm trước								
- Giảm khác								
Số dư đầu năm nay	199.982.400.000	62.734.116.794	37.157.698.458			(30.845.085)	39.497.779.168	339.341.149.335
- Tăng vốn trong năm nay								
- Lãi trong năm nay							2.028.938.261	2.028.938.261
- Tăng khác								
- Giảm vốn trong năm nay								
- Lỗ trong năm nay								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm nay	199.982.400.000	62.734.116.794	37.157.698.458			(30.845.085)	37.295.363.429	337.138.733.596

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

- Vốn góp của công ty mẹ (nếu là công ty con)
- Vốn góp của các đối tượng khác
- + Công ty TNHH Khai Hưng
- + Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Ngọc Mai
- + Cổ đông khác

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp cuối năm

	Cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ	Tỷ lệ (%)
	199.982.400.000		199.982.400.000	
	102.000.000.000	51	102.000.000.000	51
	97.982.400.000	49	97.982.400.000	49
	199.982.400.000		199.982.400.000	
	Năm nay		Năm trước	
	199.982.400.000		199.982.400.000	
	199.982.400.000		199.982.400.000	

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
d) Cổ phiếu		
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.998.240	19.998.240
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.998.240	19.998.240
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.998.240	19.998.240
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.760	1.760
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.760	1.760
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.996.480	19.996.480
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.996.480	19.996.480
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

d) Cổ tức

e) Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển;
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp;

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

26. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

27. Chênh lệch tỷ giá

28. Nguồn kinh phí

29. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

30. Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.042.437.092.468	557.445.823.922
a) Doanh thu	1.042.437.092.468	557.445.823.922
- Doanh thu bán hàng;	188.927.067.125	145.010.131.760
- Doanh thu xây lắp;	283.693.779.561	172.337.610.079
- Doanh thu sản xuất công nghiệp;	165.966.470.302	223.652.717.339
- Doanh thu kinh doanh BĐS	401.360.806.311	15.786.339.455
+ <i>Doanh thu thành phẩm BĐS</i>	265.012.609.690	15.786.339.455
+ <i>Doanh thu bán BĐS đầu tư</i>	76.452.018.261	
+ <i>Doanh thu cho thuê BĐS</i>	59.896.178.360	
- Doanh thu khác	2.488.969.169	659.025.289
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	231.595.209.327	180.108.094.622
Công ty con	231.595.209.327	180.209.937.645
Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	44.144.046.855	94.476.011.026
Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Tử	62.194.353.135	59.092.405.287
Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai	607.177.890	297.587.755
Công ty CP đầu tư và kinh doanh BĐS Xuân Mai	76.574.800.888	
Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai	47.439.945.848	23.848.291.893
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Xuân Mai	634.884.711	2.346.804.184
Công ty cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai		148.837.500

Công ty liên kết		(101.843.023)
Công ty cổ phần bê tông Xuân Mai Miền Nam		
Công ty cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng		(101.843.023)
Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	86.223.000	
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại;		
- Giảm giá hàng bán;	86.223.000	
- Hàng bán bị trả lại;		
3. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn xây lắp	275.299.882.372	116.708.295.832
- Giá vốn sản xuất công nghiệp	143.635.675.479	363.844.931.840
- Giá vốn hàng hóa	187.219.614.760	
- Giá vốn kinh doanh BĐS	357.898.864.141	14.821.648.916
+ Giá vốn thành phẩm BĐS	225.021.971.022	14.821.648.916
+ Giá vốn bán BĐS đầu tư	76.128.175.404	
+ Giá vốn cho thuê BĐS đầu tư	56.748.717.715	
- Giá vốn khác	6.216.492.253	3.108.476.784
- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán.		
	970.270.529.005	498.483.353.372
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.906.242.207	4.722.980.436
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;	2.145.746.083	2.523.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	188.252	5.930.468
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán;	281.890.413	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác.	203.145.165	
	5.537.212.120	7.251.910.904
5. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay;	41.520.843.737	28.609.765.025
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính;		34.477.062.651
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	2.545.595	169.673.561
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư;	3.252.933.958	3.516.695.473
- Chi phí tài chính khác.	993.309.228	219.862.891
- Hoàn nhập dự phòng		(34.882.646.348)
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính		
	45.769.632.518	32.110.413.253
6. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	305.298.796	98.026.217.694
- Lãi do đánh giá lại tài sản;		
- Tiền phạt thu được;	154.852.096	2.927.851.096
- Thuế được giảm;		
- Các khoản khác.	9.984.033.663	2.217.528.000
	10.444.184.555	103.171.596.790

7. Chi phí khác

- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Lỗ do đánh giá lại tài sản;
- Các khoản bị phạt;
- Các khoản khác.

	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
				42.831.199.651
	1.529.483.889			4.425.659.082
	1.051.852.678			2.177.852.365
	2.581.336.567			49.434.711.098

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN
- Chi phí nhân viên quản lý*
- Chi phí bằng tiền khác*
- Trích lập dự phòng phải thu*
- Các khoản chi phí QLDN khác

	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>%</u>	<u>Giá trị</u>	<u>%</u>
	27.742.808.963		29.530.195.943	
	22.892.308.426		24.093.567.430	
	15.007.468.825	54,10%	17.905.376.381	64,54%
	5.662.430.644	20,41%	6.188.191.049	22,31%
	2.222.388.957	8,01%		
	4.850.500.537	17,48%	5.436.628.513	19,60%

b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng
- Chi phí nhân viên bán hàng*
- Chi phí bán hàng mua ngoài*
- Chi phí bán hàng bằng tiền*
- Các khoản chi phí bán hàng khác

	5.415.419.112		2.820.833.528	
	5.415.419.112		2.816.369.928	
	669.954.794	12,37%	1.395.802.478	49,48%
	119.260.734	2,20%	503.487.850	17,85%
	4.626.203.584	85,43%	917.079.600	32,51%
		0,00%	4.463.600	0,16%

c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Hoàn nhập dự phòng, bảo hành sản phẩm, hàng hóa;
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác;
- Các khoản ghi giảm khác.

	(623.903.882)		(1.078.000.501)	
	(623.903.882)		(1.078.000.501)	

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu;
- Chi phí nhân công;
- Chi phí khấu hao tài sản cố định;
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- Chi phí khác bằng tiền.
- Chi phí thuê phụ
- Vốn hóa chi phí lãi vay
- Dự phòng

Cộng

	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
	88.230.496.798		99.351.695.309	
	49.424.078.376		54.544.109.755	
	6.172.929.151		7.408.474.491	
	18.360.882.793		127.544.517.860	
	16.377.944.955		14.209.526.644	
	960.097.751.577		181.631.929.238	
	27.553.498.152		21.050.840.156	
	1.598.485.075		136.497.666	
	1.167.816.066.877		505.877.591.119	

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành;

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	5.147.505.599	946.499.665

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng;
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ;
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ;

IX. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin chính khác:

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3. Thông tin về các bên liên quan:

a) Giao dịch với các bên liên quan:

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	
Công ty TNHH Khải Hưng	Công ty mẹ	
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Ngọc Mai	Công ty mẹ	Từ quý 2/2015
Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	Công ty con	
Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Tú	Công ty con	
Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai	Công ty con	
Công ty CP đầu tư và kinh doanh BDS Xuân Mai	Công ty con	
Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai	Công ty con	
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Xuân Mai	Công ty con	
Công ty cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai	Công ty con	
Công ty cổ phần bê tông Xuân Mai Miền Nam	Công ty liên kết	
Công ty cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	Công ty liên kết	
Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An	Công ty liên kết	

b) Các nghiệp vụ phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
b.1) Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai - XMB		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.144.046.855	94.476.011.026
- Mua hàng hóa dịch vụ	55.138.597.136	44.450.094.827
- Mua tài sản cố định	141.197.980	
- Chi phí tài chính		
- Doanh thu tài chính		
- Chi phí khác		42.266.498.989
- Thu nhập khác	1.532.037.675	97.500.094.776
- Cổ tức được nhận	1.095.746.083	
b.2) Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Tú - XMD		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.194.353.135	59.092.405.287
- Mua hàng hóa dịch vụ	75.752.390.451	73.153.682.881
- Mua tài sản cố định		
- Chi phí tài chính	1.104.968.275	899.164.479
- Doanh thu tài chính		
- Chi phí khác		230.927.661
- Thu nhập khác		225.213.826
- Cổ tức được nhận		
b.3) Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai - XME		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	607.177.890	297.587.755
- Mua hàng hóa dịch vụ		38.505.828.947
- Mua tài sản cố định		
- Chi phí tài chính	679.652.020	2.948.547.828
- Doanh thu tài chính		
- Chi phí khác		
- Thu nhập khác		61.128.176
- Cổ tức được nhận		

b.4) Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai - XMH

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.574.800.888	
- Mua hàng hóa dịch vụ	1.032.736.990	
- Mua tài sản cố định		
- Chi phí tài chính		
- Doanh thu tài chính		
- Chi phí khác		
- Thu nhập khác	363.636.364	
- Cổ tức được nhận		

b.5) Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai - XML

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.439.945.848	23.848.291.893
- Mua hàng hóa dịch vụ	100.837.022.383	73.945.113.132
- Mua tài sản cố định		
- Chi phí tài chính	409.619.116	1.003.736.528
- Doanh thu tài chính	87.909.752	
- Chi phí khác		571.428.183
- Thu nhập khác	21.478.470	260.354.031
- Cổ tức được nhận		898.000.000

b.6) Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Xuân Mai - XMT

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	634.884.711	2.346.804.184
- Mua hàng hóa dịch vụ	23.748.006.516	20.389.136.226
- Mua tài sản cố định		
- Chi phí tài chính		285.076.881
- Doanh thu tài chính		
- Chi phí khác	4	
- Thu nhập khác		317.064.585
- Cổ tức được nhận		1.911.000.000

b.7) Công ty cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai - XMV

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		148.837.500
- Mua hàng hóa dịch vụ	15.396.933.194	12.690.154.032
- Mua tài sản cố định		
- Chi phí tài chính	1.841.667	
- Doanh thu tài chính		26.753.000
- Chi phí khác		
- Thu nhập khác	2	
- Cổ tức được nhận	1.050.000.000	

b.8) Công ty cổ phần bê tông Xuân Mai Miền Nam

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Mua hàng hóa dịch vụ	9.294.215.454	1.568.983.216
- Mua tài sản cố định		
- Chi phí tài chính		
- Doanh thu tài chính	360.362.243	378.207.400
- Chi phí khác		
- Thu nhập khác		
- Cổ tức được nhận		

b.9) Công ty cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		(101.843.023)
- Mua hàng hóa dịch vụ		
- Chi phí tài chính		
- Doanh thu tài chính	317.089.717	
- Chi phí khác		
- Thu nhập khác		
- Cổ tức được nhận		

b.10) Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
- Mua hàng hóa dịch vụ	
- Mua tài sản cố định	
- Chi phí tài chính	
- Doanh thu tài chính	6.351.389
- Chi phí khác	
- Thu nhập khác	
- Cổ tức được nhận	

c) Công nợ với các bên liên quan
Cuối kỳ
Đầu kỳ
c.1) Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai - XMB

- Phải thu của khách hàng	45.661.065	104.138.052.829
- Người mua trả tiền trước		
- Phải trả người bán	49.976.073.923	67.242.329.934
- Trả trước cho người bán	88.413.840.748	10.149.904.754
- Phải thu khác	1.096.878.066	
- Phải trả khác	3.383.416	
- Đầu tư tài chính ngắn hạn (cho vay)		
- Đầu tư tài chính dài hạn (cho vay)		
- Vay ngắn hạn		
- Vay dài hạn		

c.2) Công ty cổ phần Xuân Mai Đạo Tú - XMD

- Phải thu của khách hàng	42.580.889.394	24.005.291.288
- Người mua trả tiền trước		
- Phải trả người bán	100.307.369.719	39.273.767.219
- Trả trước cho người bán	21.464.412.251	
- Đầu tư tài chính ngắn hạn (cho vay)		
- Đầu tư tài chính dài hạn (cho vay)		
- Vay ngắn hạn	7.750.000.000	
- Vay dài hạn		

c.3) Công ty cổ phần cơ điện Xuân Mai - XME

- Phải thu của khách hàng	110.815.850	21.667.185
- Người mua trả tiền trước		
- Phải trả người bán	216.888.983	21.688.028.771
- Trả trước cho người bán	18.092.543.407	54.843.812.159
- Phải thu khác		
- Phải trả khác		
- Đầu tư tài chính ngắn hạn (cho vay)		
- Đầu tư tài chính dài hạn (cho vay)		
- Vay ngắn hạn	6.511.235.169	
- Vay dài hạn	78.358.367.032	

c.4) Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai - XMH

- Phải thu của khách hàng	85.201.680.630
- Người mua trả tiền trước	
- Phải trả người bán	654.314.982
- Trả trước cho người bán	
- Đầu tư tài chính ngắn hạn (cho vay)	
- Đầu tư tài chính dài hạn (cho vay)	
- Vay ngắn hạn	
- Vay dài hạn	

c.4) Công ty cổ phần xây lắp Xuân Mai - XML

- Phải thu của khách hàng	21.081.030.346	6.961.056.985
- Người mua trả tiền trước		23.981.229.846
- Phải trả người bán	92.004.323.843	
- Trả trước cho người bán	45.842.456.390	18.473.562.349
- Phải thu khác		
- Phải trả khác	74.725.154	
- Đầu tư tài chính ngắn hạn (cho vay)		
- Đầu tư tài chính dài hạn (cho vay)		
- Vay ngắn hạn	3.000.000.000	
- Vay dài hạn		

c.5) Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Xuân Mai - XMT

- Phải thu của khách hàng	2.355.144.925	2.077.398.403
- Người mua trả tiền trước		
- Phải trả người bán	18.455.034.646	1.495.791.312
- Trả trước cho người bán	23.062.155.457	1.138.258.726
- Phải thu khác		
- Phải trả khác		
- Đầu tư tài chính ngắn hạn (cho vay)		
- Đầu tư tài chính dài hạn (cho vay)		
- Vay ngắn hạn	2.200.000.000	
- Vay dài hạn		

c.6) Công ty cổ phần cơ giới vận tải Xuân Mai - XMV

- Phải thu của khách hàng		26.753.000
- Người mua trả tiền trước		
- Phải trả người bán	14.709.011.941	4.818.594.430
- Trả trước cho người bán	69.934.999	
- Phải thu khác	1.050.000.000	
- Phải trả khác	1.841.667	
- Đầu tư tài chính ngắn hạn (cho vay)		
- Đầu tư tài chính dài hạn (cho vay)		
- Vay ngắn hạn		
- Vay dài hạn		

c.7) Công ty cổ phần bê tông Xuân Mai Miền Nam

- Phải thu của khách hàng	7.696.617.686	
- Người mua trả tiền trước		
- Phải trả người bán	9.014.188.289	2.147.282.118
- Trả trước cho người bán	3.213.227.400	4.022.866.829
- Phải thu khác		
- Phải trả khác	40.245.076	
- Đầu tư tài chính ngắn hạn (cho vay)	17.058.567.700	
- Đầu tư tài chính dài hạn (cho vay)		
- Vay ngắn hạn		
- Vay dài hạn		

c.8) Công ty cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng

- Phải thu của khách hàng	21.370.528.142	21.086.243.904
- Người mua trả tiền trước		
- Phải trả khác		
- Đầu tư tài chính ngắn hạn (cho vay)	500.000.000	
- Đầu tư tài chính dài hạn (cho vay)		
- Vay ngắn hạn		
- Vay dài hạn		

c.9) Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An

- Phải thu của khách hàng
- Người mua trả tiền trước
- Phải trả người bán
- Trả trước cho người bán
- Phải thu khác
- Phải trả khác
- Đầu tư tài chính ngắn hạn (cho vay) 300.000.000
- Đầu tư tài chính dài hạn (cho vay)
- Vay ngắn hạn
- Vay dài hạn

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận"(1):.

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác:

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Lê Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Mai Văn Định

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Trung Chánh